

Bản án số: 35/2025/HS-ST

Ngày: 14 - 5 - 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định xét xử số 19/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đối với bị cáo:

1. Bị cáo Hồ Văn B, sinh ngày 25/3/1957, nơi sinh: thành phố Cần Thơ. Nơi thường trú: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Nuôi trồng thủy sản; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam. Tôn giáo: không, con ông Hồ Văn T (đã chết) và mẹ bà Trần Thị B1 (đã chết). Vợ tên Lê Thị L, sinh năm: 1952. Có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1988.

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 353/LC-CSĐT ngày 18/10/2024.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Những người tham gia tố tụng:

2.1. Bị hại: Anh **Nguyễn Thanh B2**, sinh năm: 1983 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: D đường T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Hồ Bảo S**, sinh năm: 1977 (*có mặt*).

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/4/2004, Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 642/QĐ-UB về việc thu hồi và giao đất cho Ban Q (nay là Ban Q1) để xây dựng công trình thủy lợi cống và kênh H tại xã T, trong đó có thu hồi diện tích lúa là 6.083,9 m² và đất vườn là 2.205,5 m² của bà Thị B3, sinh năm: 1954 thường trú tại ấp H, xã T, huyện H và bà Thị B3 đã nhận tiền bồi thường vĩnh viễn đối với diện tích đất nước thu hồi. Đến năm 2008, ông Hồ Văn B mua lại thửa đất toạ lạc tại ấp H, xã T, huyện H của bà Thị B3 đã được nhà nước bồi thường (vị trí đất nằm giáp ranh với đất ông Phan Chánh P chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Đến năm 2020, ông Nguyễn Thanh B2 mua lại thửa đất diện tích 5.762,9 m² đất toạ lạc tại ấp H, xã T, huyện H (nằm giáp ranh với đất của ông Hồ Văn B mua lại của bà Thị B3) của ông Phan Chánh P với giá 1.400.000.000 đồng được Sở T1 cấp giấy chứng nhận QSD đất số CS 233636, ngày 20/3/2023 đối với thửa đất nêu trên. Sau đó, bị cáo xảy ra mâu thuẫn phần đất có diện tích ngang 06m giáp ranh với ông Nguyễn Thanh B2. Đến ngày 29/3/2023, khi ông B2 đang cắm các trụ đá, trụ bê tông để rào lại thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất thì bị cáo B cho rằng ông B2 cắm trụ đá, trụ bê tông chiếm qua phần đất của mình. Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 29/3/2023, bị cáo Hồ Văn B điều khiển xe đào bánh xích (xe cuốc) (xe thuê của anh Hồ Bảo S, sinh năm: 1977 thường trú tại xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ) đến dùng gàu của xe đẩy đổ, làm hư hỏng 05 (năm) trụ bê tông, 09 (chín) trụ đá của ông B2. Sau đó, ông B2 làm đơn tố giác đến Công an xã T xử lý theo quy định pháp luật.

*** *Tại bản kết luận tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 29/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H đã kết luận:***

- 05 (năm) trụ bê tông, kích thước 0,18m x 0,18m x 1,5m; cốt thép (04 cây trụ 10, đai sắt 6), phần đế kích thước 0,5m x 0,5m x 0,1m ở thời điểm định giá ngày 29/3/2023 có giá là 2.784.558 đồng.

- 09 (chín) trụ đá vuông, kích thước 0,09m x 0,09m x 2,5m ở thời điểm định giá ngày 29/3/2023 có giá là 630.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 3.414.558 đồng.

*** *Vật chứng trong vụ án:***

- 05 (năm) trụ bê tông, kích thước 0,18m x 0,18m x 1,5m; cốt thép (04 cây trụ 10, đai sắt 6), phần đế kích thước 0,5m x 0,5m x 0,1m, đã hư hỏng.

- 09 (chín) trụ đá vuông, kích thước 0,09m x 0,09m x 2,5m, đã hư hỏng.

- 04 (bốn) trụ bê tông còn nguyên vẹn, chưa hư hỏng, còn sử dụng được.

- 01 (một) máy đào bánh xích (xe cuốc), nhãn hiệu Mitsubishi, màu vàng, đã qua sử dụng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại vật chứng cho ông Nguyễn Thanh B2 và ông Hồ Bảo S.

*** *Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:*** Bị cáo Hồ Văn B không có tình tiết tăng nặng và được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

*** *Về trách nhiệm dân sự:*** Ông Nguyễn Thanh B2 yêu cầu bị cáo Hồ Văn B bồi thường số tiền 10.414.558 đồng, trong đó tài sản bị hư hỏng là 3.414.558 đồng và tiền chi phí thuê nhân công 7.000.000 đồng.

*** *Tại Cáo trạng số 26/CT-VKS-HĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang truy tố:***

Bị cáo Hồ Văn B về tội “*Hủy hoại tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

*** *Tại phiên tòa,*** đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Hồ Văn B.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo Hồ Văn B khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*) xử phạt bị cáo Hồ Văn B từ 12 tháng đến 18 tháng

cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Hồ Văn B tự nguyện bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại Nguyễn Thanh B2 số tiền 3.14.558 đồng mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001146 ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền chi phí thuê nhân công 7.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2015*) thì bị cáo có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Tuy nhiên, do bị cáo Hồ Văn B là người cao tuổi, không có nghề nghiệp ổn định và không có thu nhập nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hồ Văn B. Ngoài ra, đề nghị HĐXX ghi nhận quyết định xử lý vật chứng và trả lại tài sản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H và tuyên về án phí theo quy định pháp luật.

* ***Tại phiên tòa***, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội và tội danh: Bị cáo Hồ Văn B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo;

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, cùng với đặc điểm vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Hồ Văn B đã có hành vi cố ý sử dụng xe kéo đẩy đồ, làm hư hỏng 05 (năm) trụ bê tông, 09 (chín) trụ đá của bị hại Nguyễn Thanh B2. Tại kết luận giám định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 29/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H đã kết luận với tài sản hư hỏng tổng thiệt hại là 3.414.558 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đồng thời truy tố bị cáo Hồ Văn B phạm tội “*Hủy hoại tài sản*” thuộc trường hợp gây thiệt hại tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng được quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*) là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3]. *Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi*: Bị cáo Ba nhận thức được việc sử dụng xe cuốn làm hư hỏng tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo không chỉ làm hư hỏng tài sản của bị hại không sử dụng được, mà còn trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần có mức hình phạt thật nghiêm để răn đe, để giáo dục các bị cáo đồng thời để phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

[5]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã khắc phục thiệt hại tài sản theo định giá tài sản thiệt hại là với số tiền là 3.14.558 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Ngoài ra, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Ngoài ra, bị cáo là người cao tuổi, không có tiền án và tiền sự. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ*

sung năm 2017).

Xét thấy, bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khoản 2 Điều 51, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 52 nên bị cáo đủ điều kiện áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Đồng thời, tại thời điểm phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Bị cáo là người cao tuổi, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương trong thời gian nhất định cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo có thể bị hình phạt bổ sung là phạt tiền với số tiền 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Tuy nhiên, do bị cáo Hồ Văn B là người cao tuổi, không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hồ Văn B.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Hồ Văn B tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại tài sản cho bị hại Nguyễn Thanh B2 số tiền 3.14.558 đồng mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001146 ngày 14 tháng 05 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng tiền thuê nhân công mà bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường, HĐXX xét thấy: Số tiền này không phải là tài sản bị thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo gây ra, nên không phải là phần dân sự liên quan trong vụ án hình sự theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Cho nên, Hội đồng xét xử không chấp nhận xem xét yêu cầu của bị hại về việc đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải trả cho bị hại số tiền 7.000.000 đồng mà bị hại đã trả tiền thuê nhân công trong vụ án này. Trường hợp, nếu bị hại có căn cứ chứng minh số tiền thuê nhân công này có liên quan đến tài sản thiệt hại thì bị hại có quyền khởi kiện bị cáo thành vụ kiện dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự.

[8]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Ghi nhận Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 456/QĐ-CSĐT ngày 03/8/2024 và Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 457/QĐ-CSĐT ngày 03/8/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H về việc trả cho các bị hại tài sản được cơ quan Công an huyện H, tỉnh Kiên Giang về việc trả lại tài sản cho bị hại Nguyễn Thành B4 và người liên quan Hồ Bảo S.

[9]. *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Hồ Văn B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí cho bị cáo. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Hồ Văn B không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hồ Văn B phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*). **Xử phạt:** Bị cáo Hồ Văn B **12 (mười hai) tháng** cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Hồ Văn B cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Hồ Văn B có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hồ Văn B.

3. *Về trách nhiệm dân sự*: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Hồ Văn B bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại Nguyễn Thanh B2 số tiền 3.414.558 đồng, mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001146 ngày 14 tháng 05 năm 2025 của

Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất. (Bị hại Nguyễn Thanh B2 liên hệ với Cơ quan thi hành án dân sự huyện H để nhận số tiền này).

Không xem xét yêu cầu của bị hại Nguyễn Thanh B2 về việc đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Hồ Văn Ba P1 bồi thường cho bị hại số tiền 7.000.000 đồng (tiền mà bị hại đã thanh toán cho nhân công thi công hàng rào cho mình) trong vụ án hình sự này.

4. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*): Huỷ bỏ các lệnh sau đây: Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 353/LC-CSĐT ngày 18/10/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 11/LCCT-VKS-HĐ ngày 18/02/2025 và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 08/2025/LCĐKNCT-TA ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Ghi nhận Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 456/QĐ-CSĐT ngày 03/8/2024 và Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 457/QĐ-CSĐT ngày 03/8/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H về việc trả cho các bị hại tài sản được cơ quan Công an huyện H, tỉnh Kiên Giang về việc trả lại tài sản cho bị hại Nguyễn Thành B4 và người liên quan Hồ Bảo S.

6. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Hồ Văn B không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Hồ Văn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Bảo S được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Nguyễn Thanh B2 có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành

án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- CQĐT, CQ.THA hình sự
& Nhà tạm giữ CA ;
- Chi THADS huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tú Quỳnh